

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19/6/2023

*V/v Yêu cầu tuyên bố không
công nhận quan hệ vợ chồng.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bé H, sinh năm 19Y (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, khóm Huỳnh T, phường Khánh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 19A (vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, khóm Huỳnh T, phường Khánh H, thị xã Vĩnh C, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2022 nguyên đơn bà Lê Thị Bé H trình bày:

Năm 2007, bà Lê Thị Bé H và ông Lê Văn L sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung với nhau có 02 đứa con chung tên: Lê Văn P (giới tính: Nam), sinh ngày 01/6/20W và Lê Phúc E (giới tính: Nam), sinh ngày 13/7/20E, cả 02 đứa con hiện nay đang sống chung với chị H. Mặc dù thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, tình cảm không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục kéo dài. Nay bà Lê Thị Bé H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Lê Thị Bé H với ông Lê Văn L là vợ chồng.

- Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của Lê Văn P (giới tính: Nam), sinh ngày 01/6/20W và Lê Phúc E (giới tính: Nam), sinh ngày 13/7/20E muốn sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng; nếu con muốn sống với mẹ, bà Lê Thị Bé H yêu cầu ông Lê Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 đứa con mỗi tháng, mỗi đứa với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Bé H trình bày tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Bé H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn L:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với bị đơn ông Lê Văn L để tham gia phiên tòa nhưng ông Lê Văn L vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho ông Lê Văn L biết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

- Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn ông Lê Văn L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm

b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn L theo quy định của pháp luật.

- Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé H, tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Lê Thị Bé H và ông Lê Văn L là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Văn P (giới tính: Nam), sinh ngày 01/6/20W và cháu Lê Phúc E (giới tính: Nam), sinh ngày 13/7/20E (theo nguyện vọng của cháu P và cháu E) cho bà Lê Thị Bé H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng: Buộc ông Lê Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Văn P (giới tính: Nam), sinh ngày 01/6/20W và cháu Lê Phúc E (giới tính: Nam), sinh ngày 13/7/20E hàng tháng, mỗi đứa con với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ngày cấp dưỡng lần đầu là vào ngày 19/6/2023.

+ Về tài sản chung: Bà Lê Thị Bé H trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Lê Thị Bé H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé H phải chịu theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí cấp dưỡng: Ông Lê Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị Bé H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn L theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Bé H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Bé H theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Bé H và ông Lê Văn L được xác lập vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Bé H và ông Lê Văn L là không hợp pháp. Do đó, căn cứ vào các khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Lê Thị Bé H và ông Lê Văn L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Xét thấy, bà Lê Thị Bé H có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục các con trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của con tốt về thể chất cũng như tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Văn P (giới tính: Nam), sinh ngày 01/6/20W và cháu Lê Phúc E (giới tính: Nam), sinh ngày 13/7/20E cho bà Lê Thị Bé H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Buộc ông Lê Văn L có nghĩa vụ hàng tháng cấp dưỡng nuôi con là cháu Lê Văn P (giới tính: Nam), sinh ngày 01/6/20W và cháu Lê Phúc E (giới tính: Nam), sinh ngày 13/7/20E. Mức cấp dưỡng hàng tháng mỗi đứa con với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ngày cấp dưỡng lần đầu là vào ngày 19/6/2023.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Bé H trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Bé H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Về án phí cấp dưỡng: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Lê Thị Bé H và ông Lê Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn P (giới tính: Nam), sinh ngày 01/6/20W và cháu Lê Phúc E (giới tính: Nam), sinh ngày 13/7/20E (theo nguyện vọng của cháu P và cháu E) cho bà Lê Thị Bé H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Trong thời gian bà Lê Thị Bé H nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Lê Văn P (giới tính: Nam), sinh ngày 01/6/20W và cháu Lê Phúc E (giới tính: Nam), sinh ngày 13/7/20E. Mức cấp dưỡng hàng tháng mỗi đứa con với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (hàng tháng một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi các con đủ 18 tuổi. Ngày cấp dưỡng lần đầu là vào ngày 19/6/2023.

4. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Bé H trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Lê Thị Bé H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé H phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số: 0007870 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh

Châu. Bà Lê Thị Bé H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

7. Về án phí cấp dưỡng: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

8. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường Khánh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương